

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày: 31/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2018/HSST ngày 06/7/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HS ngày 19/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lưu Trung D, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Bản M, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lưu Trung D và bà Phạm Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 27/4/2018 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Bị cáo Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Đinh Thị L; Có vợ là Đinh Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: Tại bản án số 38 ngày 31/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, án phí hình sự 200.000 đồng. Ngày 26/7/2012 nộp xong tiền án phí, đến ngày 17/04/2018 chấp hành xong hình phạt tiền; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 27/4/2018 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Á, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Bản T, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Q; Có vợ Trương Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 27/4/2018 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

4. Bị cáo Nguyễn Trung C, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Trung Đ và bà Phạm Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

5. Bị cáo Tống Kim Đ, sinh năm 1979; Tên gọi khác: Không; Nơi ở và ĐKNKTT: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Tống Kim N (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); Có vợ Lê Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 27/4/2018 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Tống Kim Đ và Nguyễn Văn L:

- Ông Phạm Văn Sỹ và ông Vũ Ngọc Hùng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1966.
- Anh Nguyễn Ngọc Lưu, sinh năm 1966.

(Anh T và anh L đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 15 phút ngày 24/4/2018 tại gia đình ông Lê Văn T ở thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an xã P phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á đang sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ đánh bạc bằng hình thức đánh “Ba Cây” được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.550.000 đồng. Trước khi Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á bị phát hiện bắt quả tang thì có Nguyễn Trung C và Tống Kim Đ cũng tham gia đánh bạc với Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, cụ thể: trong khoảng 14 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 tổng số tiền Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á và Nguyễn Trung C sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.300.000 đồng và trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 24/4/2018 tổng số tiền Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á và Tống Kim Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.550.000 đồng. Quá trình điều tra xác định các bị cáo Lưu Trung D sử dụng 1.700.000đ ; Nguyễn Văn Á sử dụng 1.300.000đ; Nguyễn Văn L sử dụng 1.800.000đ; Nguyễn Trung C sử dụng 1.500.000đ; Tống kim Đ sử dụng 250.000đ vào mục đích đánh bạc.

Trong quá trình điều tra và tại phiên các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSNQ-HS ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Tống Kim Đ và Nguyễn Trung C ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng tù. Được trừ 03 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không đề nghị phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
Xử phạt Tổng Kim Đ từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt

- Lưu Trung D từ 23.000.000đ đến 25.000.000đ

- Nguyễn Văn Á; Nguyễn Trung C mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ.

* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.550.000 đồng.

- Tịch thu và tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếu cỏi.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Tổng Kim Đ là trợ giúp viên pháp lý Phạm Văn Sỹ nhất trí về tội danh, về áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 vì Điền có hoàn cảnh khó khăn và là người dân tộc Mường, trình độ học vấn chưa hết lớp 01 nhận thức hạn chế. Do vậy, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự chứ không áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Ông Vũ Ngọc Hùng trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho Nguyễn Văn L nhất trí về tội danh, áp dụng điều luật như đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất là 06 tháng tù giam.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố cụ thể như sau: Tại gia đình ông Lê Văn T ở thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Trung C và Tống Kim Đ đã sử dụng một bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9, một chiếc cối vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đánh “Ba cây” được thua bằng tiền. Trong mỗi ván người chơi được chia 3 quân bài ngẫu nhiên rồi tính điểm so sánh cao thấp với người “Cầm chương” để xác định thắng thua, bài từ cao đến thấp lần lượt là “Mười” (Tổng điểm 3 quân bài tính hàng đơn vị) trong ván bài nếu ai được 10 điểm thì được cầm chương chia bài ở ván tiếp theo. Bài ai cao là người thắng được thu tiền mỗi ván bài đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng cao nhất là 300.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á và Nguyễn Trung C đánh bạc từ khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 thì C hết tiền nên không tham gia đánh bạc nữa mà ngồi xem. Tổng số tiền các bị cáo L, D, Á và C sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.300.000 đồng và trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 24/4/2018 có Tống Kim Đ cùng tham gia đánh bạc với Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, tổng số tiền Đ, L, D và Á sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.550.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản lấy lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các chứng cứ tài liệu có liên quan trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở pháp lý khẳng định hành vi sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ từ A đến 9, 01 chiếc cối và số tiền 6.550.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức đánh “ba cây” của các bị cáo là cố ý, có tính chất vụ lợi sát phạt nhau bằng tiền nhằm tạo ra thu nhập bất chính. Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự thì *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Như vậy,

hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Tống Kim Đ và Nguyễn Trung C theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng được Nhà nước bảo hộ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nhưng vì mục đích lợi nhuận mà các bị cáo bất chấp cố ý thực hiện. Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo mặc dù không có tính chất tổ chức, hình thức phạm tội là đồng phạm giản đơn. Nhưng trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Cần nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

Đối với Lưu Trung D là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc, đồng thời là người tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi bị Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện và bắt quả tang. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này với vai trò thứ nhất.

Đối với Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Á, Tống Kim Đ và Nguyễn Trung C đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ hành vi đánh “Ba cây” sát phạt nhau bằng tiền nhằm tạo ra thu nhập bất chính của mình bị pháp luật cấm. Tuy không phải là người khởi xướng nhưng khi bị cáo D rủ đánh bạc các bị cáo L, Á, C không từ chối mà đồng ý ngay và cùng tham gia ngay từ đầu. Bị cáo C chỉ dừng lại khi bị thua hết tiền còn bị cáo L, Á tham gia đánh bạc cho đến khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt quả tang. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án này. Còn bị cáo Tống Kim Đ tuy không tham gia từ đầu nhưng khi thấy các bị cáo khác tham gia đánh bạc bị cáo cũng vì muốn có lợi nhuận nên bị cáo đã lấy bài của D để độ bài cao thấp cá cược với bị cáo Á cho đến khi bị hết tiền mới dừng lại. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ ba trong vụ án. Tuy nhiên, xét về nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với bị cáo Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á và Nguyễn Trung C là người có nhân thân tốt; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng các bị cáo.

- Đối với bị cáo Tống Kim Đ mặc dù tại bản án số 15/2001 ngày 21/8/2001 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng ngày 12/12/2001 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân tốt; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Mặt khác bị cáo là người dân tộc Mường, trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Từ phân tích trên xét các bị cáo Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Trung C và Tống Kim Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần áp dụng hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, bị cáo Lưu Trung D là người khởi xướng nên mức hình phạt cao hơn bị cáo khác là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là người bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại bản án số 38/2012/HSST ngày 31/5/2012. Tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục phạm tội đây là tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi bị cáo gây ra và không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện; Bị cáo là người dân tộc Mường trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra đã chứng minh số tiền 9.000.000 đồng Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Á không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Số tiền trên bị cáo vay của ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966 ở thôn N, xã P, huyện N để về thanh toán tiền khoan giếng cho

gia đình. Cơ quan điều tra Công an huyện N đã trả lại cho Nguyễn Văn Á là phù hợp.

- Đối với số tiền 6.550.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc hiện đang gửi tại tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện N cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc còi là của gia đình ông Lê Văn T. Ông T xác định không có còn giá trị sử dụng đã đề nghị tịch thu tiêu hủy. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Tống Kim Đ, Nguyễn Trung C phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn L 06 (Sáu) tháng tù. Được trừ 03 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tống Kim Đ 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Lưu Trung D 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Văn Á 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

- Nguyễn Trung C 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này hiện đang gửi tại tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu và tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc còi.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Trung D, Nguyễn Văn Á, Tống Kim Đ, Nguyễn Trung C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- CA huyện NQ;
- Những người TGTT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ